

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 399/2024/DS-PT
Ngày: 01-8-2024
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Xuân Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2024/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 307/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Lê Thị M (Bé M1), sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: số B đường C, tổ I, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: chị Lê Thị Kim N, sinh năm 1975 (theo văn bản uỷ quyền ngày 25/10/2023) (có mặt);

Địa chỉ: tổ G, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Mai Văn L, sinh năm 1949 (có mặt);

2. Bà Hồ Thị T, sinh năm 1950 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: số E, Tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: bị đơn ông Mai Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà **Lê Thị M** trình bày:

Do quen biết nên ngày 01 tháng 4 năm 1996 âm lịch bà có cho vợ chồng ông **Mai Văn L** và bà **Hồ Thị T** vay 25 chỉ vàng 24K, thỏa thuận lãi suất mỗi tháng là 500.000 đồng, bà đã giao đủ số vàng trên cho vợ chồng ông **L** và ông **L** cũng đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà để làm tin nhưng giấy đất này hiện nay không còn giá trị. Đến năm 2012 con của ông **L** có gặp bà thỏa thuận trả thay vợ chồng ông **L** 6.000.000 đồng tương đương 12 chỉ vàng 24K bà đồng ý. Từ đó đến nay bà có nhiều lần gặp ông **L** yêu cầu trả số vàng còn nợ là 13 chỉ vàng 24K nhưng ông **L** hứa hẹn nhiều lần không trả. Nay bà yêu cầu ông **L**, bà **T** trả bà **1** chỉ vàng 24K làm 01 lần.

Bị đơn là ông **Mai Văn L** trình bày:

Ông thông nhất trước đây vợ chồng ông có vay bà **Lê Thị M** 25 chỉ vàng 24K, do ông thiếu nợ nhiều người dẫn đến không có khả năng trả nợ, bà **M** đã có kiện ông đòi với 25 chỉ vàng 24K này rồi nhưng ông chưa trả được, toàn bộ tài sản của ông đã bán đấu giá để trả nợ xong. Vào năm 2012 con của ông có gặp bà **M** thỏa thuận trả thay vợ chồng ông 6.000.000 đồng tương đương 12 chỉ vàng 24K cho bà **M** còn nợ lại 13 chỉ vàng 24K đến nay chưa trả. Nay ông không đồng ý trả 13 chỉ vàng 24K theo yêu cầu bà **M**, ông chỉ đồng ý trả cho bà **M** 13 chỉ vàng 24K theo giá 500.000 đồng/chỉ.

Bị đơn bà **Hồ Thị T** đã được Tòa án nhân dân huyện C tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng bà **T** không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà **M**.

Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2024/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 35, Điều 39 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị M**.

Buộc ông **Mai Văn L**, bà **Hồ Thị T** phải có nghĩa vụ trả bà **Lê Thị M** 13 chỉ vàng 24K, trả làm 01 lần.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 11/4/2024, bị đơn ông **Mai Văn L** có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được giải quyết bằng Bản án số 46/HSST ngày 23/4/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, bản án này đã có hiệu lực pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông **Mai Văn L** nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Bà **Hồ Thị T** có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xét xử vắng mặt bà **T**.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông **Mai Văn L**, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà **Lê Thị M** khởi kiện yêu cầu ông **L**, bà **T** trả 25 chỉ vàng 24K, quá trình tố tụng bà **M** thừa nhận năm 2012 con ông **L** đã trả thay vợ chồng ông **L** 6.000.000 đồng (tương đương 12 chỉ vàng 24K) nên thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu vợ chồng ông **L**, bà **T** trả 13 chỉ vàng 24K. Căn cứ khởi kiện của bà **M** là Tờ giao nhận tiền ngày 01/4/1996 (âm lịch) có chữ ký của bà **M**, ông **L**, bà **T**.

Ông **L** không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà **M** và cho rằng yêu cầu khởi kiện của bà **M** đã được Tòa án giải quyết bằng một bản án có hiệu lực pháp luật. Ông **L** đã cung cấp bản sao lục Bản án số 46/HSST ngày 23/4/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang và yêu cầu Tòa án trích lục toàn bộ tài liệu, chứng cứ liên quan đến khoản nợ giữa ông với bà **M**, bà **N1** tại hồ sơ vụ án này.

Qua các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập, nhận thấy:

Ngày 22/10/1997, bà **Lê Thị M** (Mười thợ may) và bà **Nguyễn Thị N2** (sinh năm 1953, cư trú tại ấp **M**, xã **M**, huyện **C**, tỉnh Tiền Giang) có “Đơn thừa mượn tiền không trả” gửi Ủy ban nhân dân xã **M** và Công an xã **M** về việc vợ chồng ông **Mai Văn L** mượn của các bà 25 chỉ vàng 24K nhưng không trả.

Đến ngày 15/11/1997, bà Lê Thị M lập Giấy ủy quyền cho bà Nguyễn Thị N2 để đòi số vàng nêu trên. Cũng tại văn bản này, bà M trình bày trong số 25 chỉ vàng 24K mà bà cho vợ chồng ông L mượn có một số là do bà N2 đưa cho bà.

Ngày 02/01/1998, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý tranh chấp trên. Cùng ngày, tại Tòa án nhân dân huyện C, bà N2 trình bày ngày 01/4/1996 âm lịch, bà cho vợ chồng ông L vay 05 chỉ vàng 24K, còn bà M cho vợ chồng ông L vay 20 chỉ vàng 24K, tổng cộng là 25 chỉ vàng 24K; bà N2 và bà M cùng giao vàng một lượt cho vợ chồng ông L; ngoài số vàng này thì vợ chồng ông L không còn nợ số vàng nào khác của bà. Căn cứ cho yêu cầu khởi kiện của bà là Tờ giao nhận tiền ngày 01/4/1996 (âm lịch) có chữ ký của bà M, ông L, bà T và Tờ giao nhận vàng ngày 01/4/1996 có chữ ký của bà M, bà N2, ông L, bà T.

Đến ngày 25/02/1998, Tòa án nhân dân huyện C đình chỉ giải quyết vụ án và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho cơ quan điều tra có thẩm quyền thụ lý giải quyết do vụ án có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự.

Ngày 09/4/1998, tại Công an huyện C, bà N2 trình bày bà được bà M ủy quyền để yêu cầu ông L, bà T hoàn trả số vàng đã mượn cho bà và bà M. Cùng ngày, qua đối chất, ông L thừa nhận có nợ vàng của bà N2 và bà M như bà N2 trình bày.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các cơ quan có thẩm quyền đều xác định ngày 01/4/1996, vợ chồng ông L có vay của bà N2 và bà M 25 chỉ vàng 24K, bà M đã viết giấy ủy quyền cho bà N2 nhận số vàng vợ chồng ông L còn nợ. Bản án số 46/HSST ngày 23/4/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã xét xử và tuyên phạt trách nhiệm dân sự buộc ông L, bà T liên đới trả 25 chỉ vàng 24K cho bà Nguyễn Thị N2; bản án này đã có hiệu lực pháp luật.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M đã được Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết tại Bản án số 46/HSST ngày 23/4/1999, bản án này đã có hiệu lực pháp luật. Giai đoạn sơ thẩm, ông L trình bày yêu cầu khởi kiện của bà M đã được Tòa án giải quyết bằng một bản án có hiệu lực pháp luật nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu ông L cung cấp chứng cứ chứng minh, cũng không thu thập chứng cứ làm rõ mà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, khiến cho một vụ việc được giải quyết hai lần là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Bà M có thể liên hệ với bà N2 đến cơ quan thi hành án có thẩm quyền để yêu cầu thi hành Bản án số 46/HSST ngày 23/4/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: các đương sự không phải chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2024/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang và đình chỉ giải quyết vụ án.

2. Về án phí: các đương sự không phải chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong